

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định hoạt động của Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 110/TTr-SKHCHN ngày 17/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, kiểm soát việc cập nhật dữ liệu của các cơ quan, đơn vị theo danh mục đã được phê duyệt tại Quyết định này.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung danh mục dữ liệu mở do các cơ quan, đơn vị thu thập, quản lý.

- Thực hiện phê duyệt cập nhật, điều chỉnh danh mục dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La theo định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu.

2. Các cơ quan chủ trì cung cấp dữ liệu thuộc danh mục có trách nhiệm:

- Thường xuyên phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, đề xuất, bổ sung công bố danh mục dữ liệu mở đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”; chịu trách nhiệm với các dữ liệu do cơ quan, đơn vị cung cấp; kịp thời phản ánh đối với những dữ liệu chưa chính xác trên cổng dữ liệu mở.

- Thực hiện cung cấp dữ liệu mở tuân thủ theo Quy định hoạt động của Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh, Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, TCHCQT);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đức Anh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

Phụ lục I
DANH MỤC SỐ LƯỢNG DỮ LIỆU MỞ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Cơ quan	Số lượng danh mục dữ liệu mở
1	Văn phòng UBND tỉnh	6
2	Thanh tra tỉnh	12
3	Sở Y tế	11
4	Sở Xây dựng	30
5	Sở Khoa học và Công nghệ	68
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	34
7	Sở Nội vụ	13
8	Sở Tài chính	41
9	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	37
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo	6
11	Sở Công Thương	17
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	26
13	Sở Ngoại vụ	4
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp	1
15	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La	7
16	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	1
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1
	TỔNG CỘNG:	315

Phụ lục II
DANH MỤC CHI TIẾT DỮ LIỆU MỞ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
I	VĂN PHÒNG UBND TỈNH		
1	Dữ liệu phiên họp UBND tỉnh	Công khai thông tin về tổng số các phiên họp trong tháng, thời gian diễn ra các cuộc họp, phân loại cuộc họp theo đơn vị chủ trì	Khi có phát sinh
2	Dữ liệu văn bản phục vụ chỉ đạo, điều hành	Công khai thông tin về Tổng số văn bản đi của các cơ quan, đơn vị, số lượng văn bản ký số, tỷ lệ văn bản ký số.	Khi có thay đổi
3	Công báo xếp số có ký số điện tử	Công khai thông tin về Loại văn bản, Số văn bản, Trích yếu, Người ký, Ngày ban hành, Hiệu lực văn bản. Ngày xuất bản	Theo số công báo
4	Công báo điện tử tỉnh Sơn La	Công khai thông tin về Loại văn bản, Số văn bản, Trích yếu, Người ký, Ngày ban hành, Hiệu lực văn bản	Hàng ngày
5	Dữ liệu tin bài cổng thông tin điện tử	Công khai thông tin về: Tiêu đề, Tóm tắt, Nội dung, Tệp đính kèm, Tác giả, Ngày xuất bản	Hàng ngày
6	Danh mục thủ tục hành chính	Công khai thông tin về Tên thủ tục, Mã thủ tục, Loại thủ tục, Đơn vị thực hiện, Lĩnh vực, Thời gian thực hiện TTHC	Khi có thay đổi
II	THANH TRA TỈNH		
1	Dữ liệu Kế hoạch thanh tra hằng năm	Công khai thông tin về: - Đối tượng thanh tra; - Nội dung thanh tra; - Thời kỳ thanh tra; - Thời hạn thanh tra; - Dự kiến thời gian tiến hành thanh tra.	Hằng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
2	Dữ liệu về Quyết định thanh tra của cuộc thanh tra	Công khai thông tin về: - Số hiệu, ngày tháng ban hành; - Tên người ký ban hành - Đối tượng thanh tra; - Nội dung thanh tra; - Thời kỳ thanh tra; - Thời hạn thanh tra; - Tên Trưởng đoàn thanh tra; - Tên Phó đoàn thanh tra.	Hàng tháng
3	Dữ liệu về Quyết định giám sát Đoàn thanh tra	Công khai thông tin về: - Số hiệu, ngày tháng, ban hành - Tên người ký ban hành - Tên người giám sát - Tên Đoàn Giám sát	Hàng tháng
4	Dữ liệu tổng hợp kết quả công tác thanh tra hằng năm	Công khai thông tin về: - Năm; - Số cuộc thanh tra; - Số đơn vị, cá nhân được thanh tra; - Số liệu kết luận đã ban hành; - Số liệu vi phạm về kinh tế; - Số liệu vi phạm về kinh tế đã thu hồi ngân sách	Hàng tháng
5	Dữ liệu tiếp công dân hằng năm	Công khai thông tin về: - Năm; - Tổng số lượt tiếp; - Tổng số công dân tiếp; - Tổng số vụ việc tiếp; - Tổng số đoàn đông người;	Hàng quý
6	Dữ liệu xử lý đơn hằng năm	Công khai thông tin về:	Hàng quý

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Năm; - Tổng số đơn tiếp nhận; - Số đơn đã xử lý; - Số đơn thuộc thẩm quyền; - Số đơn không thuộc thẩm quyền.	
7	Dữ liệu giải quyết khiếu nại hằng năm	Công khai thông tin về: - Năm; - Số đơn thuộc thẩm quyền; - Số vụ việc thuộc thẩm quyền; - Phân tích kết quả: Khiếu nại đúng; Khiếu nại sai; Khiếu nại đúng một phần; Rút đơn; Đình chỉ.	Hằng quý
8	Dữ liệu giải quyết tố cáo hằng năm	Công khai thông tin về: - Năm; - Số đơn thuộc thẩm quyền, - Số vụ việc thuộc thẩm quyền; - Phân tích kết quả: Tố cáo đúng; Tố cáo sai; Tố cáo đúng một phần; Rút đơn; Đình chỉ.	Hằng quý
9	Dữ liệu về quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Công khai thông tin về: - Năm; - Tên các cơ quan, đơn vị; - số lượt tuyên truyền; - Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Hằng quý
10	Dữ liệu về các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập của Thanh tra tỉnh	Công khai thông tin về: - Năm - Tên các cơ quan, đơn vị; - Số lượng bản kê khai từng cơ quan, đơn vị	Hằng năm
11	Dữ liệu về cá nhân kê khai tài sản	Công khai thông tin về:	Hằng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	thu nhập thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập của Thanh tra tỉnh	- Năm; - Tổng số người kê khai tài sản thu nhập; - Số người kê khai lần đầu; - Số người kê khai hàng năm; - Số người kê khai bổ sung; - Tổng số bản kê khai được công khai; - Tổng số người kê khai được xác minh hàng năm.	
12	Dữ liệu về phát hiện, khắc phục các văn bản còn sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực	Công khai thông tin về: - Năm; - Thông tin về số hiệu, tên văn bản; - Cơ quan ban hành; - Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực; - kết quả khắc phục	Hàng quý
III	SỞ Y TẾ		
1	Dữ liệu cơ sở khám, chữa bệnh	Công khai thông tin về: - Số Giấy phép hoạt động - Tên cơ sở - địa chỉ - loại hình hoạt động - Thời gian hoạt động	Khi có thay đổi
2	Dữ liệu người hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh	Công khai thông tin về: - Họ tên - Ngày sinh - Trình độ chuyên môn - phạm vi hành nghề - Số CCHN	Khi có thay đổi
3	Dữ liệu xếp cấp chuyên môn kỹ	Công khai thông tin về:	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	thuật của cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	- Tên cơ sở - địa chỉ - cấp chuyên môn (điểm)	
4	Dữ liệu về trẻ em	Công khai thông tin về số lượng trẻ em theo đơn vị hành chính	Khi có sự thay đổi
5	Dữ liệu về đối tượng bảo trợ xã hội	Công khai thông tin về: + Tên + Ngày sinh + Giới tính + Địa chỉ + Chế độ chính sách của đối tượng	Khi có sự thay đổi
6	Dữ liệu quản lý giám sát Bệnh truyền nhiễm	Công khai thông tin về số lượng ca nhiễm, loại bệnh truyền nhiễm theo đơn vị hành chính	Khi có sự thay đổi
7	Dữ liệu mềm tiêm chủng	Công khai thông tin về Danh sách cơ sở tiêm chủng, số lượng đối tượng đã được tiêm chủng theo địa bàn hành chính.	Khi có sự thay đổi
8	Dữ liệu quản lý HIV/AIDS	Công khai thông tin về số lượng ca bệnh theo địa bàn	Khi có sự thay đổi
9	Dữ liệu về dân số, Kế hoạch hóa gia đình	Công khai thông tin về số lượng dân số, số lượng hộ gia đình, số lượng trẻ em sinh ra (phân loại theo nam/nữ), số lượng người chết (phân loại theo nam/nữ) theo địa bàn hành chính	Hàng quý
10	Dữ liệu cơ sở kinh doanh Dược	Công khai thông tin về: - Số Giấy phép hoạt động, - Tên Cơ sở - địa chỉ - loại hình hoạt động	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
11	Dữ liệu người hành nghề Dược	Công khai thông tin về: - Họ tên - ngày sinh - phạm vi hành nghề - Số Chứng chỉ hành nghề - Trình độ chuyên môn	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
IV	SỞ XÂY DỰNG		
1	Dữ liệu về thông tin tuyến đường	Công khai thông tin về: Tên đoạn tuyến; thông tin tuyến; điểm đầu, điểm cuối; địa danh điểm đầu, điểm cuối; chiều dài thực tế	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
2	Dữ liệu thông tin đoạn tuyến	Công khai thông tin về: Lý trình điểm đầu, điểm cuối; địa danh; cấp đường; chiều dài; bề rộng mặt đường; số làn	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
3	Dữ liệu bến phà và phà	Công khai thông tin về: Tên gọi; thuộc tuyến đường; lý trình; cấp công trình; số lượng phà ở bến; thời gian hoạt động	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
4	Dữ liệu bến xe khách	Công khai thông tin về: Tên bến; thuộc tuyến đường; loại tài sản; diện tích; địa chỉ; chủ đầu tư; cơ quan quản lý;	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
5	Dữ liệu cầu	Công khai thông tin về: Tên cầu, thông tin tuyến; lý trình; vị trí; chiều dài; số làn; loại kết cấu nhịp; tải trọng thiết kế/khai thác; năm khai thác; rộng toàn cầu; số nhịp; sơ đồ nhịp; tình trạng cầu	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
6	Dữ liệu nút giao	Công khai thông tin về: Thông tin tuyến; lý trình; vị trí; thông số kỹ thuật nút	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
7	Dữ liệu nhà hạt quản lý đường bộ	Công khai thông tin về: Tên nhà; thông tin tuyến; lý trình; diện tích sử	Định kỳ theo

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		dụng; địa danh	năm hoặc khi có sự thay đổi
8	Dữ liệu về danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn	Công khai thông tin về: danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn trên địa bàn tỉnh, bao gồm thông tin tuyến đường cấm đỗ (tên đường, địa điểm, loại xe cấm) trên địa bàn tỉnh	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
9	Dữ liệu về đơn vị kinh doanh vận tải	Công khai thông tin về: Mã số thuế; Sở Xây dựng quản lý; loại hình kinh doanh vận tải; người đại diện trước pháp luật; các phương tiện kinh doanh vận tải quản lý;	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
10	Dữ liệu về phù hiệu	Công khai thông tin về: loại biển hiệu; biển kiểm soát; đơn vị cấp; thời gian cấp; hiệu lực các thông tin liên quan đến thu hồi; tước phù hiệu;	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
11	Dữ liệu quản lý vận tải qua biên giới	Công khai thông tin về: Biển kiểm soát; đơn vị vận tải; loại hình vận tải; loại giấy phép; số giấy phép; thời gian cấp giấy phép; hiệu lực giấy phép; thông tin tuyến đường, cửa khẩu được phép lưu thông.	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
12	Dữ liệu bến xe khách và giá dịch vụ ra vào bến	Công khai thông tin về: Tên bến xe, địa chỉ bến xe, loại bến xe, số điện thoại, Giá dịch vụ xe ra vào bến cự ly 100 km trở xuống (đ/chuyến), từ 101 đến 150 km, từ 151 đến 200 km, từ 201 đến 250 km, từ 251 đến 300 km, từ 301 km trở lên	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
13	Dữ liệu về thông tin phương tiện	Công khai thông tin về: danh sách các hãng taxi trên địa bàn, bao gồm, số lượng hãng taxi, thông tin cơ bản của hãng taxi (hãng, số điện thoại, số lượng xe) trên địa bàn tỉnh	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
14	Dữ liệu về giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	Công khai thông tin về: giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định trên địa bàn, bao gồm giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (tên tuyến, loại xe ...) trên địa bàn tỉnh	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
15	Dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng;	Công khai thông tin về: Mã số thông tin quy hoạch; mã số dự án đầu tư xây dựng; Tên dự án đầu tư xây dựng; nhóm dự án; địa điểm xây dựng; người quyết định đầu tư; chủ đầu tư; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư;	Theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý,

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	hàng năm
16	Dữ liệu Công trình xây dựng yêu cầu thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng	Công khai thông tin về: Mã số dự án đầu tư xây dựng; Tên dự án đầu tư xây dựng; nhóm dự án; địa điểm xây dựng; người quyết định đầu tư; chủ đầu tư; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm
17	Dữ liệu về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng	Công khai thông tin về: Mã số thông tin công trình xây dựng; tên công trình xây dựng; loại công trình; cấp công trình; địa điểm xây dựng; chủ đầu tư; quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu; giấy phép xây dựng; thông báo khởi công công trình xây dựng	Theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm
18	Dữ liệu về công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; không phải cấp giấy phép xây dựng; chỉ thông báo khởi công xây dựng công trình	Công khai thông tin về: Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng; Địa điểm xây dựng; Chủ đầu tư/chủ hộ; Số điện thoại liên lạc; Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu; Dữ liệu về tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập, thẩm tra thiết kế (nếu có); Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến); Vi phạm hành chính về xây dựng; Sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành; Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm
19	Dữ liệu năng lực của cá nhân	Công khai thông tin về: Số chứng chỉ hành nghề; Họ tên người được cấp chứng chỉ; lĩnh vực hành nghề; hạng chứng chỉ; ngày hết hạn	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
20	Dữ liệu về định mức xây dựng, chi phí xây dựng	Công khai thông tin về: Đơn vị ban hành; số văn bản; ngày ban hành; tên định mức; file đính kèm	Hàng năm hoặc sớm hơn khi có thay đổi
21	Dữ liệu về giá vật liệu	Công khai thông tin về: Đơn vị ban hành; số văn bản; ngày ban hành; tên bảng giá; file đính kèm	Hàng quý hoặc sớm hơn khi có thay đổi
22	Dữ liệu đơn giá nhân công	Công khai thông tin về: Đơn vị ban hành; số văn bản; ngày ban hành; tên	Hàng năm hoặc sớm hơn khi có

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		bảng giá; file đính kèm	thay đổi
23	Dữ liệu giá ca máy và thiết bị thi công	Công khai thông tin về: Đơn vị ban hành; số văn bản; ngày ban hành; tên bảng giá; file đính kèm	Hàng năm hoặc sớm hơn khi có thay đổi
24	Dữ liệu chỉ số giá xây dựng	Công khai thông tin về: Đơn vị ban hành; số văn bản; ngày ban hành; tên bảng giá; file đính kèm	Hàng quý hoặc sớm hơn khi có thay đổi
25	Dữ liệu về nhà máy nước công suất thiết kế hoặc cấp nước theo vùng phục vụ đạt từ 3.000 m ³ /ngày trở lên	Công khai thông tin về: Tên của Doanh nghiệp; địa chỉ; Tổng dân số trong vùng phục vụ cấp nước; Số người bình quân trên một đầu nôi nước sinh hoạt (hộ gia đình); Số đầu nôi hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt; Số đầu nôi (không bao gồm đầu nôi hộ gia đình) sử dụng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ; Dân số trong vùng phục vụ được cấp nước sinh hoạt; Giá tiêu thụ nước sạch bình quân được UBND cấp tỉnh phê duyệt (hoặc giá bán buôn nước sạch đối với doanh nghiệp sản xuất bán buôn); Giá nước cho 10 m ³ nước sinh hoạt đầu tiên cho một hộ/tháng (SH1)	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
26	Dữ liệu về nhà máy xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế theo lưu vực thoát nước đạt từ 1.000 m ³ /ngày trở lên	Công khai thông tin về: Tên nhà máy xử lý nước thải; Vị trí, địa chỉ nhà máy xử lý nước thải; Phạm vi thu gom, xử lý nước thải; Tổng công suất thiết kế nhà máy xử lý nước thải; Tổng dân số đô thị; Tổng dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải; Giá dịch vụ thoát nước; Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
27	Dữ liệu về phát triển đô thị	Công khai thông tin về: tên đô thị, loại đô thị, năm công nhận, quyết định công nhận, đơn vị trực thuộc; Chương trình phát triển đô thị	Cập nhật thường xuyên hàng tháng
28	Dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản	Công khai thông tin về: tên dự án, địa điểm, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, diện tích đất ở, số lượng nhà ở/đất ở, chủ đầu tư, số lượng căn nhà đủ điều kiện bán/cho thuê, số lô đất ở đủ điều kiện chuyển nhượng, tiến độ thực hiện	Cập nhật hàng quý

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
29	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Công khai thông tin về: Tên quy hoạch; loại quy hoạch; cấp độ quy hoạch; loại điều chỉnh quy hoạch; Địa điểm quy hoạch; Quy mô, diện tích lập quy hoạch; Số quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (đối với các quy hoạch có yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch); Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (đối với các quy hoạch có yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch); Cơ quan tổ chức lập quy hoạch; Cơ quan thẩm định quy hoạch; Cơ quan phê duyệt quy hoạch; Số quyết định phê duyệt quy hoạch.	Định kỳ theo năm hoặc khi có sự thay đổi
30	Dữ liệu về nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	Công khai thông tin về: Tên mỏ, vị trí, loại khoáng sản, diện tích, công ty chủ quản, tình trạng (đang khai thác, nguyên trạng)	Hàng năm hoặc sớm hơn khi có thay đổi
V	SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		
1	Dữ liệu về chính sách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Công khai thông tin về các văn bản QPPL liên quan đến KHCN, ĐMST và CDS: Quyết định của UBND tỉnh, Nghị quyết HĐND tỉnh: - Tên văn bản - Trích yếu - Số hiệu - Ngày ban hành - Cơ quan ban hành - Người ký - Tập tin văn bản đính kèm	Khi có thay đổi
2	Dữ liệu thống kê số lượng người làm việc tại các cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành KH&CN trên địa bàn tỉnh (theo TT.45.2025.BKHCN)	Công khai thông tin về: số lượng số người làm việc trong ngành Chia theo trình độ chuyên môn, Chức danh; giới tính, độ tuổi; nhóm lao động; loại hình tổ chức; lĩnh vực đào tạo	Khi có thay đổi
3	Dữ liệu chi ngân sách cho KHCN,	Công khai thông tin về: Tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học,	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	ĐMST và CDS	công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: - Nguồn cấp kinh phí; - Loại chi (KHCHN/CDS/ ĐMST); - Kỳ công bố; - Năm công bố; - Tổng kinh phí;	
4	Dữ liệu nhiệm vụ khoa học công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên nhiệm vụ; - Mục tiêu của nhiệm vụ; - Cơ quan chủ trì; - Chủ nhiệm nhiệm vụ; - Thời gian thực hiện; - Danh sách sản phẩm của nhiệm vụ.	Khi có thay đổi
5	Dữ liệu kết quả hoạt động khoa học và công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên kết quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ tạo ra kết quả; - Tóm tắt nội dung chính của kết quả; - Tác giả, nhóm tác giả; - Cơ quan chủ trì tạo ra kết quả; - Thời điểm công bố/được nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ tạo ra kết quả. - Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, giải pháp đổi mới sáng tạo được ứng dụng; - Sản phẩm, dịch vụ được thương mại hóa; - Doanh nghiệp tiếp nhận	Định kỳ hằng năm
6	Dữ liệu công bố khoa học và công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên công bố khoa học và công nghệ; - Tác giả, nhóm tác giả;	Khi có công bố mới

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Lĩnh vực công bố; - Nội dung tóm tắt của công bố - Tên tạp chí/báo công bố; - Năm công bố - Số phát hành của tạp chí/báo công bố	
7	Dữ liệu tham gia hoạt động khoa học công nghệ	Công khai thông tin về: - Tổ chức tham gia hoạt động khoa học và công nghệ; - Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia; - Thời điểm thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; - Số lượng cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu/nhiệm vụ - Nhiệm vụ được phân công tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Định kỳ hằng năm
8	Dữ liệu quyền sở hữu công nghiệp	Công khai thông tin về: - Tên văn bằng; - Loại sở hữu công nghiệp; - Số văn bằng; - Chủ sở hữu văn bằng; - Nhóm dịch vụ được chứng nhận; - Thời hiệu của văn bằng sở hữu công nghiệp (Ngày bảo hộ; Thời hạn bảo hộ; thời điểm hết hạn bảo hộ)	Khi có chứng nhận mới
9	Dữ liệu Sáng chế	Công khai thông tin về: - Tên Sáng chế; - Tác giả, nhóm tác giả; - Số văn bằng; - Thời điểm công bố; - Thời hiệu (Ngày bảo hộ; Thời hạn bảo hộ; thời điểm hết hạn bảo hộ)	Khi có chứng nhận mới
10	Dữ liệu giải pháp hữu ích	Công khai thông tin về: - Tên Giải pháp; - Tác giả, nhóm tác giả;	Khi có chứng nhận mới

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Số văn bản; - Thời điểm công bố; - Thời hiệu (Ngày bảo hộ; Thời hạn bảo hộ; thời điểm hết hạn bảo hộ)	
11	Dữ liệu đối tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên tổ chức, cá nhân; - Quốc tịch; - Lĩnh vực hoạt động; - Thời điểm được cấp phép hoạt động; - Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện; - Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi
12	Dữ liệu thành viên tổ chức quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên thành viên tổ chức quốc tế; - Quốc tịch; - Lĩnh vực hoạt động; - Nhiệm vụ khoa học công nghệ thực hiện; - Thời điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Tóm tắt kết quả chính của hoạt động.	Định kỳ hàng năm/khi có thay đổi, bổ sung
13	Dữ liệu Tổ chức Khoa học và công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên tổ chức khoa học và công nghệ; - Địa chỉ; - Tóm tắt lĩnh vực hoạt động; - Số giấy phép đăng ký hoạt động. - Trạng thái	Khi có thay đổi cấp phép
14	Dữ liệu doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên doanh nghiệp khoa học và công nghệ; - Địa chỉ; - Sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu; - Số giấy phép được cấp.	Khi có thay đổi cấp phép

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
15	Dữ liệu hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La	Công khai thông tin về: - Số lượng các thành phần hệ thống đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức trung gian hỗ trợ; - Trung tâm đổi mới sáng tạo; - Cơ sở ươm tạo, không gian làm việc chung, không gian ĐMST - Trường đại học, cao đẳng tham gia vào hệ thống; - Doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động ĐMST; - Số lượng chuyên gia, cố vấn đổi mới sáng tạo - Số lượng xã, phường tham gia vào hệ thống ĐMST	Định kỳ hằng năm hoặc khi có thay đổi
16	Dữ liệu Trung tâm đổi mới sáng tạo và tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo	Công khai thông tin về: - Tên tổ chức; - Mã tổ chức - Loại tổ chức; - Dịch vụ cung cấp; - Số nhân sự hoạt động hỗ trợ ĐMST; - Số DN, HTX, dự án đã hỗ trợ; - Mạng lưới liên kết.	Khi có thay đổi
17	Dữ liệu doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	Công khai thông tin về: - Mã đơn vị; - Tên đơn vị; - Loại hình; - Quy mô; - Địa chỉ; - Loại hình ĐMST; - Chương trình hỗ trợ đã tham gia; - Tác động sau hỗ trợ.	Định kỳ hằng năm
18	Dữ liệu kết quả hỗ trợ Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo	Công khai thông tin về: - Tên doanh nghiệp.	Khi nghiệm thu hoặc đánh giá

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Lĩnh vực hoạt động. - Nội dung được hỗ trợ. - Thời gian thực hiện. - Tóm tắt kết quả đạt được.	
19	Dữ liệu dự án khởi nghiệp sáng tạo, mô hình đổi mới sáng tạo	Công khai thông tin về: - Tên dự án/mô hình; - Mã dự án; -Người sáng lập; - Lĩnh vực; - Giai đoạn; - Yếu tố sáng tạo; - Đã đăng ký DN; - Số lao động; - Đã tham gia ươm tạo; - Chuyên gia/cố vấn đồng hành; -Tình trạng sau hỗ trợ	Khi nghiệm thu hoặc đánh giá
20	Dữ liệu chuyên gia, cố vấn đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	Công khai thông tin về: - Mã nhân lực; - Họ và tên; - Loại nhân sự; - Học hàm, - Học vị; - Chuyên ngành chính; - Lĩnh vực thế mạnh; - Chức vụ, - Đơn vị công tác; - Số năm kinh nghiệm hỗ trợ DN; - Số đơn vị đã hỗ trợ về ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo	Định kỳ hằng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
21	Dữ liệu nhân lực nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Họ và tên; - Trình độ chuyên môn; - Lĩnh vực nghiên cứu; - Các công trình nghiên cứu khoa học; - Công bố khoa học	Định kỳ hằng năm
22	Dữ liệu chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Công khai thông tin về: - Tên trụ cột và thành phần - Thứ hạng của tỉnh theo từng năm - Điểm số - Năm	Hằng năm
23	Dữ liệu hợp tác ứng dụng, nghiên cứu khoa học, công nghệ	Công khai thông tin về: - Tên các tổ chức hợp tác. - Thời điểm thực hiện. - Lĩnh vực triển khai. - Tên hoạt động hợp tác. - Tóm tắt kết quả chính.	Hằng năm
24	Dữ liệu tỷ lệ doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo	Công khai thông tin về: - Danh sách doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo; - Tỷ lệ. - Thời điểm cập nhật	Định kỳ hằng năm
25	Dữ liệu xếp loại mức độ chuyên đổi số cấp sở/xã	Công khai thông tin về: - Năm đánh giá; - Tên cơ quan; - STT - Kết quả chấm điểm các chỉ số chính; - Mức độ xếp loại; - Tổng điểm	Định kỳ theo năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
26	Dữ liệu danh mục bộ chỉ số	Công khai thông tin về: - Mã danh mục; - Tên danh mục chỉ số; - Năm; - Điểm tối đa; - Cách xác định điểm chỉ số;	Thường xuyên
27	Dữ liệu chấm điểm theo bộ chỉ số của các đơn vị	Công khai thông tin về: - Đơn vị; - Tên chỉ số; - Điểm đánh giá; - Tài liệu kiểm chứng; - Mô tả;	Hàng năm
28	Dữ liệu nhân lực Chuyển đổi số	Công khai thông tin về: - Năm đào tạo; - Tên đơn vị; - Khóa học; - Họ và tên, - Chức vụ; - Đơn vị công tác; - Email; - Đối tượng	Khi phát sinh
29	Dữ liệu Tổ CNSCĐ	Công khai thông tin về: - Tên Tổ CNSCĐ, - Địa chỉ, - Số lượng thành viên, - Thông tin liên hệ	Khi phát sinh/ định kỳ hàng năm
30	Dữ liệu Doanh nghiệp viễn thông, Bru chính	Công khai thông tin về: - Tên doanh nghiệp;	Hàng quý

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Địa chỉ; - Điện thoại; - Người đứng đầu; - Trạng thái hoạt động	
31	Dữ liệu trạm BTS	Công khai thông tin về: - Mã trạm; - Địa điểm lắp đặt (Tổ bản, xã phường) - Đơn vị quản lý; - Loại trạm;	Hàng quý
32	Dữ liệu thuê bao Cố định trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Địa bàn - Số lượng thuê bao - Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Hàng quý
33	Dữ liệu thuê bao Di động trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Địa bàn - Số lượng thuê bao - Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Hàng quý
34	Dữ liệu hiện trạng hạ tầng băng rộng cố định	Công khai thông tin về: - Xã phường - Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng; - Số lượng tủ; - Số lượng cổng;	Hàng quý
35	Dữ liệu tần số vô tuyến điện	Công khai thông tin về: - Số giấy phép; - Ngày ký; - Ngày cấp lần đầu; - Ngày có hiệu lực; - Tên khách hàng;	Hàng quý hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Mục đích sử dụng;	
36	Dữ liệu danh sách điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Tên điểm; - Loại điểm; - Địa chỉ; - Xã/ phường; - Trạng thái;	Hàng quý
37	Dữ liệu danh sách điểm bưu chính theo địa bàn xã phường	Công khai thông tin về: Tên điểm; Loại điểm; Địa chỉ; Trạng thái;	Hàng quý
38	Dữ liệu thống kê các điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Tổng số điểm phục vụ bưu chính - Địa điểm	Hàng quý
39	Dữ liệu thống kê các điểm phục vụ bưu chính theo địa bàn xã phường	Công khai thông tin về: - Tổng số điểm phục vụ bưu chính - Địa điểm	Hàng quý
40	Dữ liệu hệ thống thông tin, CSDL, nền tảng dùng chung, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Tên hệ thống; - Chủ quản hệ thống; - Đơn vị quản lý; - Đơn vị vận hành; - Đơn vị sử dụng; - Năm bắt đầu vận hành; - Cấp độ an toàn thông tin;	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
41	Dữ liệu mã định danh các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: - Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị; - Địa chỉ; - Email;	Hàng quý hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Website	
42	Dữ liệu mã định danh cấp 2 các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	- Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị; - Địa chỉ; - Email; - Website	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
43	Dữ liệu mã định danh cấp 3 các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	- Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị; - Địa chỉ; - Email; - Website	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
44	Dữ liệu mã định danh 75 xã, phường trên địa bàn tỉnh	- Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị; - Địa chỉ; - Email; - Website	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
45	Dữ liệu mã định danh các sở ban ngành trên địa bàn tỉnh	- Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị; - Địa chỉ; - Email; - Website	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
46	Dữ liệu mã định danh các trường học trên địa bàn tỉnh	- Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị; - Địa chỉ; - Email; - Website	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
47	Dữ liệu mã định danh các bệnh viện trên địa bàn tỉnh	- Mã định danh điện tử; - Tên cơ quan, đơn vị;	Hàng quý hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Địa chỉ; - Email; - Website	
48	Dữ liệu chứng thư số chuyên dùng công vụ	Công khai thông tin về: - Số hiệu CTS; - Tên thuê bao (CN); - Email; - Hiệu lực; - Hạn CTS; - Loại CTS; - Loại thiết bị; - Mã Thiết bị; - Tổ chức cấp 1; - Tổ chức cấp 2; - Tổ chức cấp 3; - Tổ chức cấp 4; - Tổ chức cấp 5	Hàng tháng
49	Dữ liệu chứng thư số chuyên dùng công vụ của tổ chức	Công khai thông tin về: - Số hiệu CTS; - Tên thuê bao (CN); - Email; - Hiệu lực; - Hạn CTS; - Loại CTS; - Loại thiết bị; - Mã Thiết bị; - Tổ chức cấp 1; - Tổ chức cấp 2;	Hàng tháng

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Tổ chức cấp 3; - Tổ chức cấp 4; - Tổ chức cấp 5"	
50	Dữ liệu chứng thư số chuyên dùng công vụ của cá nhân	Công khai thông tin về: - Số hiệu CTS; - Tên thuê bao (CN); - Email; - Hiệu lực; - Hạn CTS; - Loại CTS; - Loại thiết bị; - Mã Thiết bị; - Tổ chức cấp 1; - Tổ chức cấp 2; - Tổ chức cấp 3; - Tổ chức cấp 4; - Tổ chức cấp 5"	Hàng tháng
51	Dữ liệu thống kê thông tin cấp chứng thư số hàng tháng	- Tổng thuê bao ký số đã cấp - Tổng số thuê bao ký số Tổ chức đã cấp - Tổng số thuê bao ký số Cá nhân đã cấp	Hàng tháng
52	Dữ liệu hạ tầng Công nghệ thông tin	Công khai thông tin về: - Tên đơn vị; - Loại thiết bị (Máy tính / Máy in / Scan / Photo/ Firewall/ Switch/ Đường truyền...); - Số lượng;	Hàng quý
53	Dữ liệu công bố hợp chuẩn	Công khai thông tin về: - Số, ký hiệu, ngày tháng năm văn bản tiếp nhận; - Cơ quan ban hành thông báo tiếp nhận;	Khi có phát sinh

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân công bố; - Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường; - Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố; - Loại hình đánh giá; - Thời hạn của văn bản tiếp nhận công bố hợp chuẩn;	
54	Dữ liệu công bố hợp quy	Công khai thông tin về: - Số, ký hiệu, ngày tháng năm văn bản tiếp nhận; - Cơ quan ban hành thông báo tiếp nhận; - Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân công bố; - Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường; - Quy chuẩn kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để công bố; - Loại hình đánh giá; - Thời hạn của văn bản tiếp nhận công bố hợp quy	Khi có phát sinh
55	Dữ liệu Quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Công khai thông tin về: - Số, ký hiệu, ngày tháng năm văn bản ban hành; - Cơ quan ban hành; - Tên gọi của Quy chuẩn kỹ thuật; - Ký hiệu Quy chuẩn kỹ thuật	Khi phát sinh hoặc khi có thay đổi
56	Dữ liệu về kiểm tra nhà nước về phương tiện đo	Công khai thông tin về: - Thời gian thực hiện (Tháng/Năm); - Tên phương tiện đo; - Cơ sở được kiểm tra: + Tên cơ sở; + Địa chỉ. - Số phương tiện đo được kiểm tra; - Kết quả: + Cơ sở vi phạm: . Tên cơ sở; Địa chỉ. + Lỗi vi phạm hành chính;	Hàng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+ Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính (đồng).	
57	Dữ liệu về kiểm tra nhà nước về phép đo	Công khai thông tin về: - Thời gian thực hiện (Tháng/Năm); - Tên phép đo; - Cơ sở được kiểm tra: + Tên cơ sở; + Địa chỉ. - Số phép đo được kiểm tra; - Kết quả: + Cơ sở vi phạm: Tên cơ sở; Địa chỉ. + Lỗi vi phạm hành chính; + Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính (đồng).	Hàng năm
58	Dữ liệu về kiểm tra nhà nước về hàng đóng gói sẵn	Công khai thông tin về: - Thời gian thực hiện (Tháng/Năm); - Tên của hàng đóng gói sẵn; - Cơ sở được kiểm tra: + Tên cơ sở; + Địa chỉ. - Số hàng đóng gói sẵn được kiểm tra; - Kết quả: + Cơ sở vi phạm (Tên cơ sở; Địa chỉ) + Lỗi vi phạm hành chính; + Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính (đồng).	Hàng năm
59	Dữ liệu các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định trên địa bàn tỉnh.	Công khai thông tin về: - Tên đơn vị; - Tên theo quyết định chỉ định - Địa chỉ; - Ký hiệu chỉ định của tổ chức;	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Ký hiệu đăng ký của tổ chức.	
60	Dữ liệu kiểm định viên đo lường thuộc các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh.	Công khai thông tin về: - Tên đơn vị; - Tên theo Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Thông tin về kiểm định viên: + Tên kiểm định viên. + Năm sinh; + Số thẻ kiểm định viên; + Lĩnh vực hoạt động.	Khi có thay đổi
61	Dữ liệu về số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Công khai thông tin về: - Tên đơn vị; - Tên tổ chức theo Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Thời gian thực hiện (Năm); - Số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm: + Độ dài; + Khối lượng; + Dung tích - lưu lượng; + Áp suất; + Nhiệt độ; + Hóa lý; + Điện; + Phương tiện đo khác.	Hàng năm
62	Dữ liệu kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Công khai thông tin về Lĩnh vực sản phẩm được kiểm tra: - Tổng số cơ sở được kiểm tra; - Số lô sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra;	Hàng tháng

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Số cơ sở vi phạm; - Số cơ sở bị xử lý; - Số sản phẩm vi phạm (số lô); - Kết quả xử lý: + Số cơ sở bị xử phạt; + Số tiền xử phạt; + Số cơ sở tạm dừng sản xuất, lưu thông;	
63	Dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Công khai thông tin về: - Tên cơ quan đơn vị cập nhập dữ liệu; - Thông tin đơn vị sản xuất/ kinh doanh: + Tên tổ chức/cá nhân; + Mã số thuế/ĐKKD/CCCD; + Địa chỉ sản xuất/ kinh doanh; + Số điện thoại; - Thông tin sản phẩm/ hàng hóa: + Tên sản phẩm, hàng hóa; + Nhóm/ ngành hàng; + Mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm; Mã truy xuất địa điểm; + Mã ký hiệu/ số seri (nếu có); + Thời gian sản xuất, kinh doanh; + Thời hạn sử dụng (nếu có) + Các tiêu chuẩn áp dụng	Khi có sự thay đổi
64	Dữ liệu các cơ sở tiến hành công việc bức xạ	Công khai thông tin về: - Số thứ tự; - Tên tổ chức, cá nhân; - Địa chỉ; - Số điện thoại; - Người đứng đầu;	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Số lượng thiết bị được cấp phép tại đơn vị; - Số cấp phép; - Ngày cấp; - Ngày hết hạn.	
65	Dữ liệu nhân lực an toàn bức xạ	Công khai thông tin về: - Số thứ tự; - Họ và tên; - Địa chỉ; - Số điện thoại; - Số chứng chỉ người phụ trách an toàn bức xạ và ngày tháng được cấp; - Thời hạn.	Khi có thay đổi
66	Dữ liệu về kiểm tra nhà nước về kiểm tra an toàn bức xạ	Công khai thông tin về: Số thứ tự; Số cơ sở được kiểm tra; Tên đơn vị được kiểm tra; Địa chỉ; Nội dung kiểm tra; Số thiết bị được kiểm tra; Số cơ sở vi phạm; Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính; Lỗi vi phạm hành chính.	Hàng năm
67	Dữ liệu Thư điện tử công vụ	Công khai thông tin về số lượng thư điện tử đang hoạt động theo từng cơ quan, đơn vị	Khi có thay đổi
68	Dữ liệu bản ghi tên miền sonla.gov.vn	Công khai thông tin về bản ghi DNS: - Tên bản ghi - Loại bản ghi - Đơn vị sử dụng - Thời gian cấp	Khi có thay đổi
VI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
1	Dữ liệu tổng hợp về Trồng trọt	Công khai thông tin về: Loại cây trồng, sản phẩm; diện tích gieo trồng; diện tích cho sản phẩm (cây lâu năm); năng suất; sản lượng; tổng diện tích gieo trồng	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
2	Dữ liệu tổng hợp về Chăn nuôi	Công khai thông tin về: Loại vật nuôi; đàn vật nuôi; loại sản phẩm (thịt, trứng, sữa...); sản lượng sản phẩm; tổng đàn vật nuôi; danh sách bệnh chính đang lưu hành	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
3	Dữ liệu tổng hợp về Lâm nghiệp	Công khai thông tin về: tỷ lệ che phủ rừng; tăng/giảm so với năm trước; Dữ liệu thống kê về giống cây trồng lâm nghiệp, cơ sở cung cấp giống; Diện tích rừng trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
4	Dữ liệu tổng hợp về Thủy sản	Công khai thông tin về: Diện tích nuôi; sản lượng thu hoạch; loại thủy sản; phân loại (ven bờ, xa bờ, nội địa)	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
5	Dữ liệu tổng hợp về Thủy lợi	Công khai thông tin về: Tên công trình thủy lợi ; đơn vị hành chính; loại công trình dung tích hồ; diện tích tưới phục vụ; tình trạng công trình (tốt/xuống cấp); loại công trình thủy lợi (lớn, vừa, nhỏ); công dụng công trình thủy lợi (tưới, tiêu, tưới tiêu kết hợp);	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
6	Dữ liệu tổng hợp về Sản phẩm OCOP	Công khai thông tin về: Địa phương quản lý; năm được công nhận; mã sản phẩm OCOP; tên sản phẩm OCOP; hạng sao (3*, 4*, 5*); chủ thể sản xuất/hợp tác xã; doanh thu năm; trạng thái hiệu lực của sản phẩm (sản phẩm OCOP có thời hạn).	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
7	Dữ liệu tổng hợp về cơ sở chế biến	Công khai thông tin về: Cơ sở chế biến; đơn vị hành chính; loại sản phẩm chế biến; công suất thiết kế; sản lượng thực tế	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
8	Dữ liệu về an toàn thực phẩm	Công khai thông tin về: Cơ sở chế biến; số giấy phép cấp chứng nhận an toàn thực phẩm; tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
9	Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	Công khai thông tin về: Bản đồ quy hoạch, Thuyết minh quy hoạch, Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất	Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
10	Dữ liệu kế hoạch sử dụng đất	Công khai thông tin về: Bản đồ kế hoạch, Thuyết minh kế hoạch, Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
11	Dữ liệu giá đất	Công khai thông tin về: Bảng giá đất tỉnh Sơn La, Quyết định phê duyệt bảng giá đất	Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
12	dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh	Công khai thông tin về: Số liệu thống kê, kiểm kê đất đai tỉnh Sơn La, Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
13	Dữ liệu rừng phòng hộ trên địa bàn	Công khai thông tin về: Diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định công bố hiện trạng rừng Hằng năm)	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
14	Dữ liệu rừng đặc dụng trên địa bàn	Công khai thông tin về: Diện tích rừng đặc dụng trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định công bố hiện trạng rừng Hằng năm)	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
15	Dữ liệu rừng sản xuất trên địa bàn	Công khai thông tin về: Diện tích rừng sản xuất trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định công bố hiện trạng rừng Hằng năm)	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
16	Dữ liệu Giống, loài vật nuôi	Công khai thông tin về: Tên giống, Tên khoa học, Giới tính, Mã loài, Nguồn gốc, Cấp giống, Năm sản xuất, Mô tả, năng suất sản phẩm Tiêu chuẩn công bố; Tên loài, Nhóm loài, Mô tả	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
17	Dữ liệu về sản xuất giống vật nuôi	Công khai thông tin về: Mã cơ sở, Tên tổ chức doanh nghiệp, Mã vùng chăn nuôi, Số giấy phép hoạt động, Ngày đăng ký, Trạng thái hoạt động, Địa chỉ, Mã giống, Quy mô bố mẹ, Sản lượng, Năm sản xuất, Tiêu chuẩn, Ghi chú	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
18	Dữ liệu gen giống vật nuôi	Công khai thông tin về: Tên nguồn gen giống vật nuôi, Mã giống vật nuôi, Nguồn gốc giống vật nuôi, Cơ sở đang lưu giữ giống vật nuôi, Số	Hàng năm và theo pháp luật

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		lượng giống vật nuôi, Loại hình nguồn gen, Ghi chú	chuyên ngành
19	dữ liệu thức ăn chăn nuôi	Công khai thông tin về: Tên sản phẩm thức ăn chăn nuôi, Tên thương mại, Tên cơ sở sản xuất, Loại thức ăn, Định lượng, Số tiêu chuẩn công bố, Ngày sản xuất, Hạn sử dụng, Hướng dẫn bảo quản, Hướng dẫn sử dụng, Hóa chất, Sản phẩm sinh học, Vi sinh vật bị cấm, Nguyên liệu làm thức ăn	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
20	Dữ liệu về công trình thủy lợi	Công khai thông tin về: Tên công trình, Hiện trạng, Phân loại công trình, Cấp công trình, Địa chỉ, Cấp quản lý, Năm xây dựng, Năm hoàn thành, Năm nâng cấp sửa chữa	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
21	Dữ liệu hồ chứa	Công khai thông tin về: Tên hồ chứa, , Nhiệm vụ công trình, Năng lực tưới thiết kế, Tàn suất thiết kế đảm bảo tưới, cấp nước, Số lượng đập phụ trên hồ, Số lượng tràn xả lũ, Số cống lấy nước, Dung tích toàn bộ, Dung tích mực nước dâng bình thường, Dung tích hữu ích, Dung tích chết, Dung tích phòng lũ	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
22	Dữ liệu dự án đầu tư thủy lợi	Công khai thông tin về: Tên dự án đầu tư, Chủ đầu tư, Địa điểm đầu tư, Năm bắt đầu dự án, Năm kết thúc dự án, Thời gian khởi công, Thời gian hoàn công, Thời gian hoàn thành, Số công trình đầu tư, Hình thức đầu tư, Phạm vi thực hiện dự án, Tình hình thực hiện	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
23	<i>Dữ liệu về quy hoạch và kế hoạch thủy lợi</i>	Công khai thông tin về: Tên quy hoạch, Năm bắt đầu thời kỳ quy hoạch, Năm kết thúc thời kỳ quy hoạch, Vùng Quy hoạch, Mục tiêu Quy hoạch, Tình hình thực hiện, Đơn vị xây dựng quy hoạch	Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
24	Dữ liệu về an toàn đập, hồ chứa	Công khai thông tin về: Tên hồ chứa, Tàn suất lũ thiết kế, Tàn suất lũ kiểm tra, Mực nước lũ kiểm tra, Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế, Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
25	<i>Dữ liệu về chất lượng nước</i>	Công khai thông tin về: Tên trạm, Cơ quan quản lý, Loại hình nước, Ngày lắp đặt,	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
26	Dữ liệu Nguồn thải	Công khai thông tin về: Mã định danh, Tên gọi, Địa chỉ chi tiết, Tổng diện tích, Tỷ lệ lấp đầy, Nhóm dự án đầu tư, Cấp quản lý	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
27	dữ liệu về làng nghề	Công khai thông tin về: Tên gọi, Địa chỉ chi tiết, Loại hình SX của làng nghề, Danh hiệu làng nghề, Thời điểm hình thành làng nghề, Số hộ sản xuất, Tổng số lao động	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
28	Dữ liệu hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp	Công khai thông tin về: Tên hợp tác xã, Mã số hợp tác xã, Địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã, Ngày thành lập, Loại tổ chức quản trị, Quy mô, Lĩnh vực (Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản, Lâm nghiệp, Diêm nghiệp, Dịch vụ tổng hợp, Khác), Xếp loại, Ứng dụng công nghệ số, Liên kết theo chuỗi, Tham gia hoạt động du lịch, Là chủ thể OCOP, Số thành viên chính thức, Số thành viên liên kết	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
29	Dữ liệu Liên kết sản xuất	Công khai thông tin về: Tên dự án liên kết, Mục tiêu dự án, Quy mô dự án theo cấp độ, Quy mô dự án theo diện tích, Quy mô dự án theo số đầu con, Quy mô dự án theo sản lượng, Thời gian liên kết, Trạng thái dự án	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
30	Dữ liệu Trang trại	Công khai thông tin về: Tên trang trại, Mã đơn vị hành chính, Mã sản phẩm, Loại trang trại, Địa chỉ chi tiết, Diện tích đất, Sản lượng, Số lao động thường xuyên, Có chế biến, Có du lịch	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
31	Dữ liệu Đào tạo nghề nông nghiệp	Công khai thông tin về: Tổng số lao động, Tổng số lao động nông lâm thủy sản, Tổng số lao động ngành nông nghiệp, Tổng số lao động ngành nông nghiệp qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ, Tổng số lao động ngành nông nghiệp qua đào tạo không bằng cấp chứng chỉ, Tổng số lao động ngành lâm nghiệp, Tổng số lao động ngành lâm nghiệp qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ, Tổng số lao động ngành lâm nghiệp qua đào tạo không bằng cấp chứng chỉ, Tổng số lao động ngành thủy sản, Tổng số lao động ngành thủy sản qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ, Tổng số lao động ngành thủy sản qua đào tạo không bằng cấp chứng chỉ	Hàng năm và theo pháp luật chuyên ngành
32	Dữ liệu cơ giới hóa nông nghiệp	Công khai thông tin về: Mã định danh cơ sở sản xuất cung ứng dịch vụ	Hàng quý hoặc

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	và chế biến nông sản;	máy móc thiết bị, Mã tỉnh, Mã xã, Địa chỉ, Loại máy móc thiết bị nông nghiệp sản xuất cung ứng, Nguồn vốn, Số nhân công	Khi có phát sinh
33	Dữ liệu chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Công khai thông tin về: Tên chương trình, Nội dung, Loại chương trình xây dựng nông thôn mới, Mục tiêu chung, Phạm vi thực hiện, Thời gian bắt đầu, Thời gian kết thúc, Cơ quan phối hợp, Số ký hiệu.	Hàng quý hoặc Khi có phát sinh
34	Dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo	Công khai thông tin về: Tổng hợp số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh	Hàng quý hoặc Khi có phát sinh
VII	SỞ NỘI VỤ		
1	Dữ liệu số lượng đơn vị hành chính	Công khai thông tin về: tên và phân loại các đơn vị hành chính cấp xã	Khi có thay đổi
2	Dữ liệu số lượng thôn, tổ dân phố	Công khai thông tin về: tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã. phân loại thôn, tổ dân phố.	Khi có thay đổi
3	Thông tin hỗ trợ học nghề	Công khai thông tin về: Tổng số lượng người được hỗ trợ học nghề theo tháng, quý, năm, tổng số đơn vị tham gia tư vấn hỗ trợ học nghề, tổng số kinh phí hỗ trợ	Khi phát sinh hồ sơ
4	Thông tin tư vấn việc làm	Công khai thông tin về: Tổng số lao động đăng ký tư vấn, Theo lĩnh vực việc làm, theo kinh nghiệm, lấy theo xã	Khi phát sinh hồ sơ
5	Dữ liệu bằng khen thưởng xuyên	Công khai thông tin về Tên cá nhân hoặc tổ chức được khen; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Khi có thay đổi
6	Dữ liệu khen chuyên đề	Công khai thông tin về Tên cá nhân hoặc tổ chức được khen; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Khi có thay đổi
7	Dữ liệu khen đột xuất	Công khai thông tin về Tên cá nhân hoặc tổ chức được khen; Cơ quan,	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	
8	Dữ liệu khen đối ngoại	Công khai thông tin về Tên cá nhân hoặc tổ chức được khen; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Khi có thay đổi
9	Dữ liệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	Công khai thông tin về Tên cá nhân; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Hàng năm
10	Dữ liệu tập thể lao động xuất sắc	Công khai thông tin về Tên tập thể; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Hàng năm
11	Dữ liệu cờ thi đua của UBND tỉnh	Công khai thông tin về Tên tập thể; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Hàng năm
12	Dữ liệu về khen thưởng khác	Công khai thông tin về Tên tập thể/cá nhân; Cơ quan, đơn vị công tác (nếu có) của cá nhân; Hình thức khen thưởng; Cấp khen thưởng; Số Quyết định khen thưởng; Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng; Số sổ vàng.	Hàng quý
13	Dữ liệu về công chức, viên chức	Công khai thông tin về số lượng biên chế giao, biên chế đang thực hiện tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Khi có sự thay đổi
VIII	SỔ TÀI CHÍNH		

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
1	Dữ liệu về Đơn vị sử dụng ngân sách	Công khai thông tin về: - Mã đơn vị sử dụng ngân sách; - Tên đơn vị sử dụng ngân sách; - Loại hình đơn vị; - Chương ngân sách; - Cấp dự toán; - Đơn vị quản lý trực tiếp; - Địa chỉ	Khi có thay đổi
2	Dữ liệu về Dự án đầu tư	Công khai thông tin về: - Mã chủ đầu tư; - Tên chủ đầu tư; - Mã dự án đầu tư; - Tên dự án đầu tư; - Địa điểm thực hiện dự án; - Số Quyết định; - Ngày Quyết định; - Thời gian bắt đầu; - Thời gian kết thúc; - Tổng mức đầu tư; - Nguồn vốn	Khi có thay đổi
3	Dữ liệu Đơn vị sử dụng ngân sách dùng cho nhiệm vụ quy hoạch	Công khai thông tin về: - Mã nhiệm vụ quy hoạch; - Tên nhiệm vụ quy hoạch; - Cơ quan lập quy hoạch; - Cơ quan chủ quản cấp trên; - Cơ quan ra Quyết định; - Số Quyết định; - Ngày ra Quyết định;	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Người ký Quyết định; - Tổng kinh phí chuẩn bị đầu tư;	
4	Dữ liệu về Dự toán thu NSNN	Công khai thông tin về: - Mã chỉ tiêu; - Tên chỉ tiêu; - Tổng thu; - Thu NS cấp tỉnh; - Thu NS cấp xã	Định kỳ hằng năm
5	Dữ liệu dự toán chi Ngân sách tỉnh; xã	Công khai thông tin về: - Nội dung; - Tổng dự toán; - Chuyển nguồn năm trước mang sang (Loại dự toán 06); - Dự toán giao đầu năm Do HĐND quyết định (Loại dự toán 01); - Dự toán bổ sung và điều chỉnh trong năm (Loại dự toán 02,03); - Đã phân bổ, giao dự toán; - Dự toán còn lại	Định kỳ hằng năm
6	Dữ liệu thực hiện Dự toán thu NSNN	Công khai thông tin về: - Tên chỉ tiêu thu ngân sách; - Thực hiện trong kỳ gồm: (NSNN; NSTW; NSDP; NS cấp tỉnh; NS cấp xã); - Lũy kế thực hiện từ đầu năm gồm: NSNN; NSTW; NSDP; NS cấp tỉnh; NS cấp xã.	Theo Quý, 6 Tháng, Năm
7	Dữ liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách tỉnh; xã	Công khai thông tin về: - Tên chỉ tiêu chi ngân sách; - Thực hiện trong kỳ gồm: (NSNN; NSTW; NSDP; NS cấp tỉnh; NS cấp xã); - Lũy kế thực hiện từ đầu năm gồm: NSNN; NSTW; NSDP; NS cấp tỉnh; NS cấp xã	Theo Quý, 6 Tháng, Năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
8	Dữ liệu Quyết toán thu NSNN	Công khai thông tin về: Cấp; Nhóm; Tiểu nhóm; Mục; Tiểu mục; Nội dung; NSNN; NS cấp tỉnh; NS xã	Hàng năm
9	Dữ liệu Quyết toán chi NSDP	Công khai thông tin về: Cấp; Chương; Loại; Khoản; Mục; Tiểu mục; Nội dung; Số QT	Hàng năm
10	Dữ liệu Công khai Dự toán trình HĐND	Công khai thông tin về: TÊN BÁO CÁO; NĂM BÁO CÁO; BIỂU MẪU; SỐ QUYẾT ĐỊNH/VĂN BẢN CÔNG BỐ; NGÀY CÔNG BỐ	Hàng năm
11	Dữ liệu Công khai Dự toán được HĐND Quyết định	Công khai thông tin về: TÊN BÁO CÁO DỰ TOÁN; NĂM BÁO CÁO; BIỂU MẪU; SỐ QUYẾT ĐỊNH/VĂN BẢN CÔNG BỐ; NGÀY CÔNG BỐ	Hàng năm
12	Dữ liệu Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách	Công khai thông tin về: TÊN BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ TOÁN; NĂM BÁO CÁO; BIỂU MẪU; SỐ QUYẾT ĐỊNH/VĂN BẢN CÔNG BỐ; NGÀY CÔNG BỐ	Theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm
13	Dữ liệu Công khai Quyết toán ngân sách	Công khai thông tin về: TÊN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN; NĂM BÁO CÁO; BIỂU MẪU; SỐ QUYẾT ĐỊNH/VĂN BẢN CÔNG BỐ; NGÀY CÔNG BỐ	Hàng năm
14	Dữ liệu thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư kinh doanh	Công khai thông tin về: - Tên dự án - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án (số Quyết định) - Bên mời thầu - Địa điểm thực hiện - Tổng vốn đầu tư - Quy mô đầu tư - Hình thức lựa chọn nhà đầu tư - Số Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Khi có thay đổi
15	Dữ liệu về Dự án đầu tư của Nhà đầu tư trong nước	Công khai thông tin về: - Số Văn bản và ngày tháng của cơ quan quyết định.	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Tên nhà đầu tư; - Tên dự án đầu tư; - Quy mô dự án; - Tổng vốn đầu tư; - Thời hạn hoạt động của dự án. - Địa điểm thực hiện dự án. - Tiến độ thực hiện dự án. - Tình trạng hoạt động của dự án. - Kết quả thực hiện (theo Báo cáo định kỳ của Nhà đầu tư).	
16	Dữ liệu về Dự án đầu tư của Nhà đầu tư nước ngoài (FDI)	Công khai thông tin về: - Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp) - Tên nhà đầu tư; - Tên dự án đầu tư; - Quy mô dự án; - Tổng vốn đầu tư; - Thời hạn hoạt động của dự án. - Địa điểm thực hiện dự án. - Tiến độ thực hiện dự án. - Tình trạng hoạt động của dự án. - Kết quả thực hiện (theo Báo cáo định kỳ của Nhà đầu tư).	Khi có thay đổi
17	Dữ liệu về Dự án viện trợ nước ngoài (NGO)	Công khai thông tin về: - Tên khoản viện trợ; - Tên chủ dự án. - Bên tài trợ. - Văn bản phê duyệt tiếp nhận. - Tổng vốn (VNĐ). - Tổng vốn (USD). - Địa điểm thực hiện dự án.	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Thời gian hoạt động của dự án. - Tình trạng hoạt động của dự án. - Kết quả giải ngân (theo báo cáo của chủ khoản viện trợ)	
18	Dữ liệu Báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành	Công khai thông tin về: - Nội dung - Nhóm Dự án - Thời gian KC-HT - Địa điểm XD - Tổng mức đầu tư, dự toán điều chỉnh lần cuối - Giá trị đề nghị QT hoặc giá trị KLHT được nghiệm thu - Giá trị QT được duyệt gồm(Xây dựng, Thiết bị, KTCB, GPMB); - Kinh phí đã được thanh toán; - Chênh lệch giảm; - KLHT còn lại chưa thanh toán;	Khi có thay đổi
19	Dữ liệu về thông tin giá cả thị trường định kỳ	Công khai thông tin về: Thu thập thông tin giá một số mặt hàng phổ biến theo quy định, bao gồm: - Mã hàng hóa - Tên hàng hóa, dịch vụ - Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách - Đơn vị tính - Giá phổ biến kỳ báo cáo - Giá bình quân kỳ trước - Giá bình quân kỳ này - Mức tăng (giảm) giá bình quân - Tỷ lệ tăng (giảm) giá bình quân (%) - Nguồn thông tin	Định kỳ hàng tháng
20	Dữ liệu mua sắm tài sản công theo phương thức mua sắm tập trung	Công khai thông tin về: dữ liệu mua sắm tài sản công theo phương thức mua sắm tập trung, bao gồm:	Định kỳ hàng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	(mua sắm xe ô tô phục vụ công tác)	- Tên đơn vị/tài sản; - Đơn vị tính; - Số lượng; - Nhân hiệu; - Nước sản xuất; - Năm sản xuất; - Giá mua/thuê (Nghìn đồng); - Hình thức mua sắm/thuê; - Nhà cung cấp (người bán);	
21	Dữ liệu mua sắm tài sản công theo phương thức không tập trung	Công khai thông tin về: dữ liệu mua sắm tài sản công theo phương thức không tập trung, bao gồm: 1. Tên tài sản; 2. Đơn vị tính; 3. Số lượng; 4. Nhân hiệu; 5. Nước sản xuất; 6. Năm sản xuất; 7. Giá mua/thuê (Nghìn đồng); 8. Hình thức mua sắm/thuê; 9. Nhà cung cấp (người bán);	Định kỳ hàng năm
22	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công	Công khai thông tin về: dữ liệu xử lý tài sản công, bao gồm: - Danh mục tài sản; - Số tài sản Thu hồi - Số tài sản Điều chuyển - Số tài sản Bán - Số tài sản Thanh lý - Số tài sản Tiêu hủy - Số tài sản Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Định kỳ hàng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
23	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công Thu hồi	Công khai thông tin về dữ liệu xử lý tài sản công Thu hồi gồm: Tài sản; Số lượng (cái); Diện tích (m2); Nguyên giá/Giá trị còn lại (1.000 đồng));	Định kỳ hàng năm
24	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công Điều chuyển	Công khai thông tin về dữ liệu xử lý tài sản công Điều chuyển gồm: Tài sản; Số lượng (cái); Diện tích (m2); Nguyên giá/Giá trị còn lại (1.000 đồng));	Định kỳ hàng năm
25	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công Bán	Công khai thông tin về dữ liệu xử lý tài sản công Bán gồm: Tài sản; Số lượng (cái); Diện tích (m2); Nguyên giá/Giá trị còn lại (1.000 đồng));	Định kỳ hàng năm
26	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công Thanh lý	Công khai thông tin về dữ liệu xử lý tài sản công Thanh lý gồm: Tài sản; Số lượng (cái); Diện tích (m2); Nguyên giá/Giá trị còn lại (1.000 đồng));	Định kỳ hàng năm
27	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công Tiêu hủy	Công khai thông tin về dữ liệu xử lý tài sản công Tiêu hủy gồm: Tài sản; Số lượng (cái); Diện tích (m2); Nguyên giá/Giá trị còn lại (1.000 đồng));	Định kỳ hàng năm
28	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Công khai thông tin về dữ liệu xử lý tài sản công Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm: Tài sản; Số lượng (cái); Diện tích (m2); Nguyên giá/Giá trị còn lại (1.000 đồng));	Định kỳ hàng năm
29	Dữ liệu về Giải ngân vốn đầu tư công	Công khai thông tin về: - Tổng số vốn giao; - Số vốn đã phân bổ chi tiết; - số vốn chưa phân bổ chi tiết; - Số vốn đã giải ngân; - Tỷ lệ % so với số vốn giao; - Tỷ lệ % so với số vốn đã phân bổ chi tiết; - Số vốn còn lại chưa giải ngân	Khi có thay đổi
30	Dữ liệu về Dự án đầu tư công	Công khai thông tin về: - Tên dự án; - Tên chủ đầu tư; - Mã dự án đầu tư; - Mã quan hệ ngân sách;	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Nhóm dự án; - Địa điểm thực hiện dự án; - Thời gian thực hiện dự án (thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc); - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (Số ngày, tháng năm; Tổng mức đầu tư; Nguồn vốn) - Quyết định phê duyệt dự án (Số ngày, tháng năm; Tổng mức đầu tư; Nguồn vốn); - Lũy Kế hoạch vốn giao; - Lũy Kế hoạch vốn giải ngân;	
31	Dữ liệu về chỉ tiêu kinh tế	Công khai thông tin về: - Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) - GRDP bình quân. - Tổng vốn đầu tư toàn xã hội. - Thu ngân sách trên địa bàn; - Tỷ lệ đô thị hóa; - Tổng lượt khách du lịch; - Tổng thu từ khách du lịch; - Số doanh nghiệp đang hoạt động	Khi có thay đổi
32	Dữ liệu về chỉ tiêu Văn hóa, xã hội	Công khai thông tin về: - Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp; - Tỷ lệ lao động của đào tạo; - Tỷ lệ hộ nghèo; - Số bác sỹ/10.000 dân; - Số giường bệnh/10.000 dân; - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; - Chỉ tiêu nông thôn mới;	Khi có thay đổi
33	Dữ liệu chỉ tiêu về môi trường	Công khai thông tin về: - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý;	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; - Tỷ lệ che phủ rừng ổn định (bao gồm cả diện tích cây ăn quả trên đất dốc);	
34	Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp	Công khai thông tin về: Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp: - Số doanh nghiệp thành lập mới - số vốn đăng ký - số doanh nghiệp đã giải thể - số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động - số doanh nghiệp hoạt động trở lại	Khi có thay đổi
35	Dữ liệu về danh sách Liên hiệp HTX	Công khai thông tin về: Dữ liệu về Liên hiệp HTX: - Tên liên hiệp hợp tác xã - mã số thuế, - địa chỉ, - người đại diện theo pháp luật	Khi có thay đổi
36	Dữ liệu về Liên hiệp HTX theo địa bàn	Công khai thông tin về: Dữ liệu về Liên hiệp HTX theo từng đơn vị hành chính: - Tên liên hiệp hợp tác xã - mã số thuế, - địa chỉ, - người đại diện theo pháp luật	Khi có thay đổi
37	Dữ liệu về HTX thành lập mới	Công khai thông tin về: Dữ liệu về HTX thành lập mới: - Tên HTX - mã số HTX, - ngày thành lập, - địa chỉ, - người đại diện theo pháp luật	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
38	Dữ liệu về HTX thành lập mới theo địa bàn	Công khai thông tin về: Dữ liệu về HTX thành lập theo từng đơn vị hành chính - Tên HTX - mã số HTX, - ngày thành lập, - địa chỉ, - người đại diện theo pháp luật	Khi có thay đổi
39	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp	Công khai thông tin về Dữ liệu thông tin doanh nghiệp: - Tên doanh nghiệp, - mã số thuế, - địa chỉ, - người đại diện theo pháp luật, - loại hình	Khi có thay đổi
40	Dữ liệu về đơn vị hành chính sự nghiệp	Công khai thông tin về: - Tên đơn vị hành chính sự nghiệp; - Đơn vị quản lý trực tiếp; - số biên chế được giao, số biên chế có mặt; - Kinh phí giao (tự chủ, kinh phí không tự chủ); - kinh phí thực hiện; - kinh phí tiết kiệm	Khi có thay đổi
41	Dữ liệu về đơn vị sự nghiệp công lập	Công khai thông tin về: - Tên đơn vị sự nghiệp công lập; - Đơn vị quản lý trực tiếp; - số người hưởng lương từ NSNN; - số người hưởng lương từ nguồn thu; - số người có mặt; - Kinh phí giao (chi thường xuyên giao tự chủ, chi thường xuyên không	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		giao tự chủ); - kinh phí thực hiện, nguồn thu sự nghiệp, chi từ nguồn thu sự nghiệp, trích lập quỹ.	
IX	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
1	Dữ liệu Khu du lịch, Điểm du lịch	Công khai thông tin về: các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh: + Thông tin về tên Khu du lịch + Điểm du lịch + Loại hình + Địa chỉ + Giá trị nổi bật + Hiện trạng khai thác + Đơn vị quản lý và các thông tin bổ trợ (hình ảnh, dịch vụ đi kèm, tiềm năng phát triển).	Hàng năm và khi có sự thay đổi
2	Dữ liệu Khu du lịch, Điểm du lịch theo địa giới hành chính	Công khai thông tin về thông tin các khu du lịch, điểm du lịch theo địa giới hành chính: + Thông tin về tên Khu du lịch + Điểm du lịch + Loại hình + Địa chỉ + Giá trị nổi bật + Hiện trạng khai thác + Đơn vị quản lý và các thông tin bổ trợ (hình ảnh, dịch vụ đi kèm, tiềm năng phát triển).	Hàng năm và khi có sự thay đổi
3	Dữ liệu du lịch cộng đồng	Công khai thông tin về: - Thông tin về bản du lịch cộng đồng:	Hàng năm và khi có sự thay

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+ Tên + Địa chỉ + Dân tộc + Giá trị nổi bật + Văn hóa cộng đồng (sự kiện, lễ hội, đội văn nghệ du lịch...) + Các thông tin bổ trợ (hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ...) và các thông tin cần thiết khác.	đôi
4	Dữ liệu du lịch cộng đồng theo địa giới hành chính	Công khai thông tin về bản du lịch cộng đồng theo địa giới hành chính: + Tên + Địa chỉ + Dân tộc + Giá trị nổi bật + Văn hóa cộng đồng (sự kiện, lễ hội, đội văn nghệ du lịch...) + Các thông tin bổ trợ (hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ...) và các thông tin cần thiết khác.	Hàng năm và khi có sự thay đổi
5	Dữ liệu Cơ sở lưu trú du lịch	Công khai thông tin về: - Thông tin tên cơ sở: + Loại hình hạng cơ sở lưu trú + Địa chỉ + Thông tin liên hệ + Quy mô buồng/phòng + Quy mô giường - Dịch vụ cung cấp + Tình trạng hoạt động + Chủ cơ sở/đơn vị quản lý + Người đại diện theo pháp luật + Số điện thoại và thông tin bổ trợ (hình ảnh, giấy phép, tiêu chuẩn xếp hạng)	01 lần/năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+ Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú (nếu có)/Thông báo kết quả cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch;	
6	Dữ liệu Cơ sở lưu trú du lịch theo địa giới hành chính	Công khai thông tin về cơ sở lưu trú du lịch theo địa giới hành chính + Loại hình hạng cơ sở lưu trú + Địa chỉ + Thông tin liên hệ + Quy mô buồng/phòng + Quy mô giường - Dịch vụ cung cấp + Tình trạng hoạt động + Chủ cơ sở/đơn vị quản lý + Người đại diện theo pháp luật + Số điện thoại và thông tin bổ trợ (hình ảnh, giấy phép, tiêu chuẩn xếp hạng + Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú (nếu có)/Thông báo kết quả cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch;	01 lần/năm
7	Dữ liệu Cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Công khai thông tin về: - Thông tin các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thể thao, chăm sóc sức khỏe, vận tải khách du lịch, vui chơi, giải trí, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch gồm: + Địa chỉ + Thông tin liên hệ + Quy mô hoạt động + Các dịch vụ cung cấp + Tình trạng hoạt động + Đơn vị quản lý + Người đại diện theo pháp luật + Số điện thoại và thông tin bổ trợ (giấy phép; hình ảnh, hạ tầng, sức	Hàng năm hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		chứa..) + Quyết định công nhận Cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (nếu có).	
8	Dữ liệu Doanh nghiệp lữ hành	Công khai thông tin về: tên doanh nghiệp, người đại diện, số điện thoại, địa chỉ, giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;	Khi có thay đổi
9	Dữ liệu Doanh nghiệp du lịch	Công khai thông tin về: tên doanh nghiệp, người đại diện, số điện thoại, địa chỉ, giấy phép kinh doanh, loại hình dịch vụ kinh doanh; phạm vi và quy mô hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch	Định kỳ 6 tháng cập nhật một lần
10	Dữ liệu Hướng dẫn viên du lịch	Công khai thông tin về: - Thông tin hướng dẫn viên du lịch: + Họ và tên + giới tính + email + trình độ chuyên môn + ngoại ngữ; - đơn vị quản lý hướng dẫn viên du lịch: + doanh nghiệp + công ty lữ hành + khu + điểm du lịch + hội + hiệp hội + chi hội du lịch. - Trạng thái hoạt động - Thông tin về Thẻ hướng dẫn viên du lịch: + loại thẻ hướng dẫn viên + số thẻ hướng dẫn viên + Ngày, tháng, năm cấp thẻ	Cập nhật thường xuyên khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+Ngày, tháng, năm hết hạn thẻ	
11	Dữ liệu Thông tin xúc tiến quảng bá du lịch	Công khai thông tin về: tài liệu, dữ liệu: ấn phẩm, các clip, hình ảnh giới thiệu, quảng bá, xúc tiến du lịch Sơn La; thông tin về các chương trình, sự kiện du lịch tỉnh; thông tin về nền tảng số, bản đồ số du lịch Sơn La.	Định kỳ 3 tháng cập nhật một lần
12	Dữ liệu Thống kê du lịch	Công khai thông tin về thống kê du lịch: kỳ thống kê (Tháng/quý/năm); Năm thống kê; Tổng số lượt khách du lịch; tổng số doanh thu từ khách du lịch (tỷ đồng); Tổng số lượt khách quốc tế; Tổng số lao động trong ngành du lịch	Cập nhật theo quý
13	Dữ liệu Hiện vật (Hệ thống thông tin quản lý hiện vật)	Công khai thông tin về Quản lý thông tin hiện vật: + Nội dung lịch sử, + Nguồn gốc, nơi sản xuất, chế tác, + Nơi lưu giữ....)	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
14	Dữ liệu Bảo tàng (Hệ thống thông tin quản lý bảo tàng)	Công khai thông tin về: mạng lưới các bảo tàng công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. + Thông tin về tên bảo tàng + Loại hình + Địa chỉ + Giá trị nổi bật + Hiện trạng khai thác + Đơn vị quản lý và các thông tin bổ trợ (hình ảnh, dịch vụ đi kèm, tiềm năng phát triển).	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
15	Dữ liệu Di tích trên địa bàn tỉnh (Hệ thống thông tin quản lý di tích)	Công khai thông tin về: - Quản lý thông tin công nhận, xếp hạng các di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh trên phạm vi toàn tỉnh. + Thông tin về tên di tích + Loại hình + Địa chỉ + Giá trị nổi bật	Hàng năm hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+ Hiện trạng khai thác + Đơn vị quản lý và các thông tin hỗ trợ (hình ảnh, dịch vụ đi kèm, tiềm năng phát triển).	
16	Dữ liệu Di sản văn hóa phi vật thể (hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể)	Công khai thông tin về di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục quốc gia (liệt kê từng di sản), gồm: + Tên di sản văn hóa phi vật thể + Lý lịch di sản văn hóa phi vật thể + Ảnh di sản văn hóa phi vật thể + Video di sản văn hóa phi vật thể	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
17	Dữ liệu Sản xuất phim	Công khai thông tin về: cơ sở điện ảnh sản xuất, phát hành phim, trường quay, nhà sản xuất, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên của tỉnh; phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình do Nhà nước đặt hàng sản xuất + Tên cơ sở sản xuất, phát hành phim, trường quay, nhà sản xuất) Địa chỉ:) Mã số thuế: + Tên biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên) Số căn cước công dân) Địa chỉ:	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
18	Dữ liệu Phát hành, phổ biến, lưu chiếu phim	Công khai thông tin về: giấy phép phân loại phim; cơ sở điện ảnh phổ biến phim và công tác lưu chiếu phim. + Thông tin giấy phép phân loại phim và công tác lưu chiếu phim) Đơn vị thực hiện phân loại) Địa chỉ) Phim được phân loại + Cơ sở điện ảnh phổ biến phim) Đơn vị thực hiện phân loại) Địa chỉ	Hàng năm hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		.) Phim được phổ biến	
19	Dữ liệu Hoạt động triển lãm	Công khai thông tin về: tổ chức và các loại giấy phép triển lãm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh tại tỉnh	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
20	Dữ liệu Hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh	Công khai thông tin về: tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh; dữ liệu tác giả, nghệ sĩ, dữ liệu tác phẩm,	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
21	Dữ liệu Chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Công khai thông tin về: + Tên lễ hội + Thời gian tổ chức lễ hội + Địa điểm tổ chức lễ hội + Nội dung lễ hội + Quy mô tổ chức lễ hội	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
22	Dữ liệu Sản phẩm quảng cáo	Công khai thông tin về: Thông tin tên doanh nghiệp, người đại diện, số điện thoại, địa chỉ, giấy phép kinh doanh, loại hình dịch vụ kinh doanh; phạm vi và quy mô hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
23	Dữ liệu Hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Công khai thông tin về số liệu, nội dung hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu; lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên phạm vi toàn tỉnh.	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
24	Dữ liệu Tư liệu về vùng đất, con người Sơn La	Công khai thông tin về: tư liệu sách, báo, tài liệu địa chí về Sơn La, các xã thuộc Sơn La: Tên tư liệu; loại tư liệu; nội dung; cơ quan ban hành; ngày ban hành; tài liệu đính kèm - Lịch sử Sơn La: Qua các thời kỳ - Văn hóa Sơn La: Qua các thời kỳ - Danh nhân Sơn La: + Họ và tên + Ngày tháng năm sinh + Danh nhân thuộc lĩnh vực - Các dân tộc Sơn La: Nội dung, hình ảnh	Hàng năm hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Địa danh, danh thắng: Danh mục, hình ảnh	
25	Dữ liệu Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Công khai thông tin về văn hóa các dân tộc; tư liệu số hóa văn hóa các dân tộc Sơn La: + Thành phần dân tộc + Khảo tả về văn hóa các dân tộc thiểu số + Ảnh văn hóa các dân tộc thiểu số + Video về văn hóa các dân tộc thiểu số	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
26	Dữ liệu về Nghệ nhân nhân dân	Công khai thông tin về: - Thông tin về họ tên, - ngày sinh, - giới tính, - lĩnh vực nghệ thuật, tác phẩm/di sản tiêu biểu, - cơ quan hoặc cộng đồng công tác, - năm được phong tặng, hiện trạng hoạt động, giải thưởng/huy chương liên quan và các thông tin bổ trợ (ảnh, hồ sơ lý lịch, đóng góp trong bảo tồn, truyền dạy nghề).	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
27	Dữ liệu về Nghệ nhân ưu tú	Công khai thông tin về: - Thông tin về họ tên, - ngày sinh, - giới tính, - lĩnh vực nghệ thuật, tác phẩm/di sản tiêu biểu, - cơ quan hoặc cộng đồng công tác, - năm được phong tặng, hiện trạng hoạt động, giải thưởng/huy chương liên quan và các thông tin bổ trợ (ảnh, hồ sơ lý lịch, đóng góp trong bảo tồn, truyền dạy nghề).	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
28	Dữ liệu Thống kê về gia đình	Công khai thông tin về: thống kê các hộ gia đình; gia đình văn hóa tại tỉnh. + Tên xã, phường	Hàng năm hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+ Số hộ gia đình + Số hộ gia đình văn hóa	
29	Dữ liệu Phòng chống bạo lực gia đình	Công khai thông tin về: cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình; nạn nhân và nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. + Tên xã, phường + Cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình + Số người bạo lực gia đình + Số người bị bạo lực gia đình	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
30	Dữ liệu Thành tích thi đấu thể thao	Công khai thông tin về: - Quyết định thành lập đoàn tham gia thi đấu giải thể thao - Danh sách đoàn VĐV tham gia thi đấu giải thể thao - Báo cáo kết quả thi đấu giải thể thao .. - Số huy chương, VĐV đạt đẳng cấp tại giải thể thao - Quyết định khen thưởng cho HLV, VĐV giải thể thao	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
31	Dữ liệu Hạ tầng cơ sở thể thao	Công khai thông tin về: A. Về thông tin cơ sở - Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; - Họ tên người đại diện theo pháp luật; - Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; - Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh; - Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. B. Về con người, vật chất: Nhân viên chuyên môn; cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
32	Dữ liệu Đăng cai sự kiện thể thao	Công khai thông tin về: Đăng cai giải thể thao - Quyết định thành lập Ban tổ chức địa phương đăng cai - Quyết định tổ trọng tài, phục vụ, nhân viên y tế, bảo vệ, nhân viên an ninh.	Hàng năm hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Thông báo kết quả giải	
33	Dữ liệu cơ quan báo chí tại địa phương	Công khai thông tin về: Tên cơ quan báo chí; Tên cơ quan chủ quản; Loại hình báo chí; Giấy phép hoạt động; Tôn chỉ, mục đích; Lãnh đạo cơ quan báo chí; Trụ sở tòa soạn	Khi có sự thay đổi
34	Dữ liệu cơ quan báo chí trung ương cử Văn phòng đại diện và phóng viên thường trú trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin về: + Thông tin về tên cơ quan báo chí cử Văn phòng đại diện/phóng viên thường trú + Loại hình hoạt động + Công văn chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện (hoặc cử Phóng viên thường trú) + Tên Trưởng Văn phòng đại diện hoặc Phóng viên thường trú + Số Thẻ Nhà báo của Trưởng Văn phòng đại diện hoặc Phóng viên thường trú + SĐT liên hệ + Email + Địa chỉ (đối với Văn phòng đại diện)	Khi có thay đổi
35	Dữ liệu danh sách các cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Công khai thông tin về: Tên cơ sở in; Địa chỉ; Loại hình xuất bản phẩm được in (sách, tạp chí, báo chí...); Số giấy phép hoạt động in, ngày cấp phép, cơ quan cấp phép; Tình trạng hoạt động và các thông tin bổ trợ (quy mô máy móc, năng lực in ấn, người đại diện pháp luật).	Hàng năm hoặc khi có thay đổi
36	Dữ liệu danh sách Trang thông tin điện tử tổng hợp được cấp phép	Công khai thông tin về Trang TTĐT tổng hợp: + Tên trang, địa chỉ website. + Số Giấy phép, ngày cấp phép. + Cơ quan cấp phép. + Người đại diện pháp luật + Tình trạng hoạt động.	Hàng quý hoặc khi có thay đổi
37	Dữ liệu điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Công khai thông tin về: + Tên xã, phường	Hàng quý hoặc khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		+ Tên cơ sở + Địa chỉ.	
X	SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO		
1	Dữ liệu báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Công khai thông tin về: - Tên nhiệm vụ; lĩnh vực; - Đơn vị chủ trì; - Đơn vị thực hiện thời gian thực hiện; - Kinh phí; - Kết quả thực hiện;...	Định kỳ theo tháng, quý, năm
2	Dữ liệu tổng dân số theo từng dân tộc	Công khai thông tin về: - Tổng dân số từng dân tộc theo dữ liệu quản lý dân cư theo địa bàn; - Giới tính; Độ tuổi lao động	Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi
3	Dữ liệu về xóa nhà tạm, nhà dột nát	Công khai thông tin về: - Tổng số nhà tạm, nhà dột nát hiện có trong năm; - Tiến độ (Tổng nhà hỗ trợ, đã khánh thành, đang thi công..); - Phân loại đối tượng (Người có công; Hộ nghèo, cận nghèo...); - Nguồn lực; - Mức hỗ trợ...	Định kỳ hàng tháng
4	Dữ liệu về bản DTTS và miền núi; bản đặc biệt khó khăn; xã Khu vực I, II, III	Công khai thông tin về: - Danh sách thôn ,bản DTTS và miền núi; - Danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn; - Danh sách xã khu vực I, II, III	Hàng năm, 5 năm
5	Dữ liệu Tổ chức tôn giáo, xác định mức độ chia sẻ theo phân quyền	Công khai thông tin về số lượng tổ chức tôn giáo được cấp phép hoạt động	Định kỳ, hàng năm
6	Dữ liệu người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS	Công khai thông tin về: - Tên NCUT; - Năm sinh;	Định kỳ, hàng năm

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- giới tính - Năm phê duyệt; - Trình độ văn hóa - Địa chỉ...	
XI	SỞ CÔNG THƯƠNG		
1	Cụm công nghiệp	Công khai thông tin về: Chủ đầu tư Địa chỉ Điện thoại liên hệ Diện tích đất công nghiệp Năm thành lập	Khi có thay đổi
2	Doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Công khai thông tin về: - Tên doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế; Lĩnh vực hoạt động; Địa chỉ - Mã chi nhánh: Địa chỉ chi nhánh; Tên chi nhánh; Phường/xã; Số điện thoại liên hệ; Địa chỉ Email liên hệ - Tình trạng cấp giấy phép sử dụng VLNCN: Loại cấp phép GCN; Số giấy chứng nhận đủ điều kiện; Cơ quan ban hành; Ngày ban hành; Thời hạn hiệu lực của GCN; Người đại diện pháp luật	Khi có thay đổi
3	Thương nhân bán lẻ thuốc lá	Công khai thông tin về: Tên thương nhân Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Ngành nghề kinh doanh Địa chỉ Người đại diện theo pháp luật Người liên hệ Số điện thoại liên hệ	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Nhà cung cấp Địa điểm bán lẻ Tình trạng cấp GP đủ điều kiện Loại cấp phép GCN Số giấy chứng nhận đủ điều kiện Cơ quan ban hành Ngày ban hành Thời hạn hiệu lực của GCN	
4	Chợ	Công khai thông tin về: Tên chợ Mã chợ Địa chỉ Loại chợ Điện thoại liên hệ Năm cải tạo Năm hoạt động Nhà lồng (số quây/sạp) Ki-ốt Hạng Hình thức quản lý Đơn vị quản lý Tên chủ đầu tư Thực trạng cơ sở vật chất Tình trạng hoạt động	Khi có thay đổi
5	Trung tâm thương mại	Công khai thông tin về: Tên trung tâm thương mại Mã trung tâm thương mại Tên doanh nghiệp (Chủ đầu tư)	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Mã số doanh nghiệp - Mã số thuế Địa chỉ trung tâm thương mại Địa chỉ doanh nghiệp Ngành nghề kinh doanh Người đại diện pháp luật Điện thoại liên hệ Email liên hệ Loại hình kinh tế Năm hoạt động Số lượng siêu thị Số lượng cửa hàng Số lượng lao động Số văn bản phân hạng và phê duyệt nội quy Hạng Diện tích (m2)	
6	Cửa hàng tiện lợi	Công khai thông tin về: Mã cửa hàng Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Địa chỉ cửa hàng Tên cửa hàng Tên doanh nghiệp Địa chỉ doanh nghiệp Điện thoại liên hệ Email liên hệ Ngành nghề kinh doanh Người đại diện pháp luật Diện tích (m2) Loại cấp phép GCN Số giấy chứng nhận ATTP	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Thời hạn hiệu lực của GCN	
7	Cửa hàng xăng dầu	Công khai thông tin về: Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Tên doanh nghiệp Địa chỉ doanh nghiệp Mã cửa hàng Tên cửa hàng Địa chỉ (Số nhà, tên đường,) Số điện thoại liên hệ Địa chỉ Email liên hệ Ngành nghề kinh doanh Người đại diện pháp luật Năm hoạt động Loại cấp phép GCN Số giấy chứng nhận đủ điều kiện Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận Diện tích cửa hàng (m2) Giấy phép xây dựng Ngày cấp xây dựng Cơ quan cấp xây dựng Tiếp giáp với đường giao thông Thương nhân phân phối Số lượng bồn chứa của cửa hàng Tổng dung tích chứa	Khi có thay đổi
8	Hồ đập công trình thủy điện	Công khai thông tin về: Tên công trình Tên Mã công trình (hồ đập) thủy điện	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Địa chỉ (Số nhà, tên đường,) Tên chủ dự án Địa chỉ liên hệ Điện thoại Email Năm vận hành Tình trạng vận hành Công suất (kWh)	
9	Thương nhân bán lẻ rượu	Công khai thông tin về: Tên thương nhân Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Ngành nghề kinh doanh Địa chỉ Người đại diện pháp luật Người liên hệ Nhà cung cấp Địa điểm bán lẻ Số điện thoại liên hệ Tọa độ không gian Số giấy GP đủ điều kiện Cơ quan ban hành Ngày ban hành Thời hạn hiệu lực của Giấy phép	Khi có thay đổi
10	Thương nhân sản xuất rượu công nghiệp	Công khai thông tin về: Tên cơ sở Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Đăng ký kinh doanh Địa chỉ trụ sở	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Địa chỉ sản xuất Người đại diện pháp luật Địa chỉ Email liên hệ Số điện thoại liên hệ Loại cấp phép ATTP Loại cấp phép GCN Số giấy chứng nhận đủ điều kiện Cơ quan ban hành Thời hạn hiệu lực của GCN Loại giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP Số giấy chứng nhận ATTP Cơ quan ban hành ATTP Thời hạn hiệu lực của chứng nhận đủ điều kiện ATTP Chung loại rượu Công suất thiết kế (lít/năm) Tọa độ không gian	
11	Thương nhân bán buôn rượu	Công khai thông tin về: Tên thương nhân Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Ngành nghề kinh doanh Địa chỉ Người đại diện pháp luật Loại doanh nghiệp kinh doanh Địa điểm bán lẻ Loại cấp phép GCN Sản lượng mua (lít) Sản lượng bán (lít) Số GP Cơ quan ban hành	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Thời hạn hiệu lực của Giấy phép	
12	Thương nhân bán buôn thuốc lá	Công khai thông tin về: Tên thương nhân Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Loại doanh nghiệp kinh doanh Ngành nghề kinh doanh Địa chỉ Người đại diện theo pháp luật Người liên hệ Số điện thoại liên hệ Loại cấp phép GCN Nhà cung cấp Địa điểm bán lẻ Sản lượng (Bao) Tọa độ không gian Số giấy chứng nhận đủ điều kiện Cơ quan ban hành Thời hạn hiệu lực của GCN Ngày điều chỉnh Ngày cấp lại	Khi có thay đổi
13	Trạm nạp/ cấp LPG/LNG/CNG	Công khai về tổng số trạm nạp theo địa bàn hành chính	Khi có thay đổi
14	Cửa hàng khí	Công khai thông tin về số lượng cửa hàng theo đơn vị hành chính	Khi có thay đổi
15	Kho khí	Công khai thông tin về số lượng kho theo đơn vị hành chính	Khi có thay đổi
16	Doanh nghiệp hoạt động điện lực dưới 3MW	Công khai thông tin về: Mã công trình/dự án, hộ gia đình Tên công trình/dự án, hộ gia đình Vị trí xây dựng (Số nhà, tên đường,) Tên doanh nghiệp (chủ đầu tư)	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		Mã số doanh nghiệp – Mã số thuế Ngành nghề kinh doanh Địa chỉ doanh nghiệp Loại hình lắp đặt NLMT mái nhà Phường/xã Điện thoại liên hệ	
17	Doanh nghiệp kinh doanh khí	Công khai thông tin về số lượng theo đơn vị hành chính	Khi có thay đổi
XII	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
1	Dữ liệu về trường học mầm non	Công khai thông tin về: số lượng trường mầm non (công lập/tư thực), số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
2	Dữ liệu về trường tiểu học	Công khai thông tin về: số lượng trường tiểu học (công lập/tư thực), số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
3	Dữ liệu về trường tiểu học và trung học cơ sở	Công khai thông tin về: số lượng trường tiểu học và trung học cơ sở (công lập/tư thực), số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
4	Dữ liệu về trường trung học cơ sở	Công khai thông tin về: số lượng trường trung học cơ sở (công lập/tư thực), số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
5	Dữ liệu về trường trung học phổ thông	Công khai thông tin về: số lượng trường Trung học phổ thông (công lập/tư thực), số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
6	Dữ liệu về trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông	Công khai thông tin về: số lượng trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
7	Dữ liệu về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Công khai thông tin về: số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo từng đơn vị hành chính;	Hàng năm; Khi có thay đổi;

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
8	Dữ liệu lớp học khối tiểu học	Công khai thông tin về: mã trường, số lượng lớp học theo từng khối học của từng trường	Hàng năm; Khi có thay đổi;
9	Dữ liệu lớp học khối Trung học cơ sở	Công khai thông tin về: mã trường, số lượng lớp học theo từng khối học của từng trường	Hàng năm; Khi có thay đổi;
10	Dữ liệu lớp học khối Trung học phổ thông	Công khai thông tin về: mã trường, số lượng lớp học theo từng khối học của từng trường	Hàng năm; Khi có thay đổi;
11	Dữ liệu lớp học khối Trung tâm giáo dục thường xuyên	Công khai thông tin về: mã trường, số lượng lớp học theo từng khối học của từng trường	Hàng năm; Khi có thay đổi;
12	Dữ liệu về cơ sở vật chất	Công khai thông tin về: số lượng tổng số phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp theo từng địa phương;	Hàng năm; Khi có thay đổi;
13	Dữ liệu về thiết bị	Công khai thông tin về số lượng trang thiết bị dạy học theo từng cấp học tại các đơn vị hành chính	Hàng năm; Khi có thay đổi;
14	Dữ liệu về giáo viên mầm non	Công khai thông tin về giáo viên (công lập/ngoài công lập), số giáo viên nam/nữ, số giáo viên là dân tộc thiểu số theo từng đơn vị hành chính	Hàng năm; Khi có thay đổi;
15	Dữ liệu về giáo viên tiểu học	Công khai thông tin về giáo viên (công lập/ngoài công lập), số giáo viên nam/nữ, số giáo viên là dân tộc thiểu số theo từng đơn vị hành chính	Hàng năm; Khi có thay đổi;
16	Dữ liệu về giáo viên trung học cơ sở (cấp cao nhất là THCS)	Công khai thông tin về giáo viên (công lập/ngoài công lập), số giáo viên nam/nữ, số giáo viên là dân tộc thiểu số theo từng đơn vị hành chính	Hàng năm; Khi có thay đổi;
17	Dữ liệu về giáo viên Trung học phổ thông	Công khai thông tin về giáo viên (công lập/ngoài công lập), số giáo viên nam/nữ, số giáo viên là dân tộc thiểu số theo từng trường	Hàng năm; Khi có thay đổi;
18	Dữ liệu về giáo viên Trung tâm giáo dục thường xuyên	Công khai thông tin về giáo viên (công lập/ngoài công lập), số giáo viên nam/nữ, số giáo viên là dân tộc thiểu số theo từng trường	Hàng năm; Khi có thay đổi;
19	Dữ liệu về học sinh mầm non	Công khai thông tin về số lượng học sinh, số học sinh theo từng nhóm tuổi (nhà trẻ, mẫu giáo) của từng trường, theo địa giới hành chính	Theo kỳ học và khi có thay đổi
20	Dữ liệu về học sinh tiểu học	Công khai thông tin về số lượng học sinh, số học sinh theo khối lớp của từng trường, theo địa giới hành chính	Theo kỳ học và khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
21	Dữ liệu về học sinh trung học cơ sở	Công khai thông tin về số lượng học sinh, số học sinh theo khối lớp của từng trường, theo địa giới hành chính	Theo kỳ học và khi có thay đổi
22	Dữ liệu về học sinh trung học phổ thông	Công khai thông tin về số lượng học sinh, số học sinh theo khối lớp của từng trường	Theo kỳ học và khi có thay đổi
23	Dữ liệu về học sinh giáo dục thường xuyên	Công khai thông tin về số học sinh theo khối lớp của từng trường	Theo kỳ học và khi có thay đổi
24	Dữ liệu về trường và lớp học	Công khai thông tin về - Hạng trường; tên trường; mã trường; loại hình; cấp học. - Thông tin điểm trường: địa chỉ; tên điểm trường; số lớp. + Số phòng học: kiên cố; bán kiên cố; phòng học tạm; diện tích bình quân + Số phòng chức năng: phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; văn phòng; y tế; phòng họp; thư viện; phòng thí nghiệm; diện tích phòng thí nghiệm. + Công trình vệ sinh giáo viên: số lượng; diện tích. + Công trình vệ sinh học sinh: số lượng; diện tích. + Sân chơi: số lượng; diện tích. + Bãi tập: số lượng; diện tích.	Khi có thay đổi
25	Dữ liệu về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Công khai thông tin về tổng số lượng CBQL, GV, NV (biên chế, hợp đồng); dân tộc; nữ; trình độ đào tạo; loại hình đào tạo; chuyên ngành đào tạo; số đạt chuẩn; số trên chuẩn; chuẩn nghề nghiệp	Khi có thay đổi
26	Dữ liệu học sinh học trái tuyến	Công khai thông tin về số lượng học sinh học trái tuyến theo địa bàn	Khi có thay đổi
XIII	SỞ NGOẠI VỤ		
1	Thỏa thuận quốc tế	Công khai thông tin về số lượng thỏa thuận quốc tế đã ký kết theo từng quốc gia	Thời gian thực
2	Quản lý Giấy đăng ký của các tổ	Công khai thông tin về Tên tổ chức; Quốc tịch; Số Giấy phép, ngày cấp;	Thời gian thực

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	chức PCPNN	Thời hạn giấy phép; Lĩnh vực hoạt động	
3	Dữ liệu về khen thưởng đối với các tổ chức cá nhân người nước ngoài	Công khai thông tin về Số Quyết định; Người ký; Ngày ký Họ và tên người được khen thưởng; Chức vụ (thời điểm khen thưởng); Nội dung khen thưởng	Khi có Quyết định khen thưởng
4	Dữ liệu về người đang công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh đi nước ngoài	Họ và tên; Chức danh; Nước đi; Nội dung hoạt động; Thời gian đi nước ngoài; Danh nghĩa khi tham gia đoàn	Khi có quyết định cử đoàn ra
XIV	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP		
1	Dự án đầu tư vào KCN	Công khai thông tin về - Tên dự án - Ngành nghề - Quy mô - Tổng vốn - Tiến độ - Điều chỉnh/thay đổi - Thực hiện nghĩa vụ tài chính, ký quỹ - Doanh thu	Hằng năm
XV	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH		
1	Danh mục tài liệu, ấn phẩm xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch	Công khai thông tin về tài liệu, ấn phẩm - Loại tài liệu - Ngôn ngữ - Năm phát hành - Cơ quan chịu trách nhiệm xuất bản, phát hành	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Cơ quan cấp phép xuất bản - Năm phát hành	
2	Các chương trình quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	Công khai thông tin về - Các căn cứ triển khai, thực hiện - Mục đích - Yêu cầu - Nội dung thực hiện + Các hoạt động xúc tiến thương mại + Các hoạt động xúc tiến du lịch + Các hoạt động xúc tiến đầu tư + Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ đầu tư + Các hoạt động khuyến công + Phụ lục chi tiết các hoạt động - Nguồn kinh phí thực hiện - Tổ chức thực hiện	Khi có thay đổi
3	Các chính sách khuyến công	Công khai thông tin về - Tên văn bản/chính sách - Loại văn bản - Số, ký hiệu văn bản - Ngày ban hành - Cơ quan ban hành - Phạm vi điều chỉnh - Đối tượng áp dụng - Nội dung chính sách khuyến công - Thời gian hiệu lực - Tình trạng hiệu lực - Văn bản liên quan (nếu có)	Khi có thay đổi
4	Kế hoạch triển khai các chương	Công khai thông tin về	Thường xuyên

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
	trình khuyến công hàng năm và giai đoạn 2026-2030	- Tên kế hoạch - Loại kế hoạch (hàng năm / trung hạn / giai đoạn) - Giai đoạn thực hiện (năm hoặc 2026–2030) - Cơ quan chủ trì xây dựng - Cơ quan phê duyệt - Số, ký hiệu văn bản - Ngày ban hành - Đối tượng thụ hưởng - Kinh phí thực hiện (nguồn NSNN, nguồn khác) - Tiến độ thực hiện - Phân công tổ chức thực hiện - Chế độ theo dõi, đánh giá, báo cáo - Tình trạng thực hiện (đang thực hiện/hoàn thành)	
5	Các đề án khuyến công đã hoàn thành	Công khai thông tin về Thông tin cơ sở CNNT: tên cơ sở, địa chỉ, ngành nghề, quy mô, nội dung hỗ trợ	Khi có thay đổi
6	Các đề án khuyến công đang triển khai	Công khai thông tin về chi tiết các đề án khuyến công được phê duyệt và triển khai: tên đề án, nội dung hỗ trợ, đơn vị thụ hưởng, tiến độ thực hiện, kết quả	Khi có thay đổi
7	Dữ liệu DCCI Sơn La	Công khai thông tin về - Các Quyết định, Kế hoạch triển khai DCCI của UBND tỉnh và Tổ công tác - Các quyết định phê duyệt phương pháp luận DCCI Sơn La; - Báo cáo kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành và địa phương (DCCI Sơn La) các năm; - Các tài liệu liên quan	Khi có thay đổi
XVI	BAN QL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
1	Dự án đầu tư xây dựng	Công khai thông tin về Tên dự án/công trình; Nhóm dự án; Loại công trình; Cấp kỹ thuật; Hình thức đầu tư; Mục tiêu dự án (tóm tắt); Quy mô dự án/công trình; Địa điểm xây dựng; Chủ đầu tư; Cơ quan phê duyệt dự án/công trình; Số quyết định phê duyệt; Ngày quyết định phê duyệt; Người phê duyệt; Thời gian thực hiện dự án; Nguồn vốn thực hiện; Hình thức QLDA; Ngày khởi công; Ngày hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; Đơn vị nhận bàn giao tài sản	Khi có thay đổi
XVII	BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	Dự án đầu tư xây dựng	Công khai thông tin về: - Tên dự án/công trình - Nhóm dự án - Chủ đầu tư - Phạm vi, quy mô dự án - Loại công trình - Cấp công trình - Đơn vị lập dự án - Địa điểm xây dựng - Hình thức đầu tư - Cơ quan phê duyệt - Số, ngày tháng năm quyết định phê duyệt - Thời gian thực hiện dự án - Nguồn vốn thực hiện - Hình thức quản lý dự án - Ngày khởi công	Khi có thay đổi

STT	Đơn vị chủ trì; Tên dữ liệu mở	Mô tả các trường dữ liệu chia sẻ	Mức độ cập nhật
		- Ngày hoàn thành đưa vào sử dụng - Đơn vị nhận bàn giao tài sản	